

PHƯƠNG ÁN

Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2025
của Thủ tướng Chính phủ)

Phần I

**NGÀNH, NGHỀ THUỘC DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ
KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN CỦA LUẬT ĐẦU TƯ**

MỤC I

NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH 1:

**KINH DOANH DỊCH VỤ ĐƯA NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM
ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI**

1. Thủ tục hành chính 1:

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 1.005129).

Đăng ký hợp đồng cung ứng lao động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ nội dung “được chứng thực” đối với các bản dịch tiếng Việt của hợp đồng cung ứng lao động.

Lý do: tạo điều kiện để doanh nghiệp chủ động, linh hoạt trong chuẩn bị hồ sơ. Phần lớn các doanh nghiệp có nhân viên nghiệp vụ có năng lực ngoại ngữ phù hợp với thị trường có thể thực hiện dịch thuật tài liệu mà không cần qua dịch vụ dịch thuật công chứng, chứng thực bản dịch.

1.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 20 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

1.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ quy định thủ tục hành chính trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 154.282.944.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ quy định thủ tục hành chính sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 98.282.944.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 56.000.000.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 36%.

2. Thủ tục hành chính 2

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 2.002027).

Cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (15 YCDK).

2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Về yêu cầu, điều kiện:

- Sửa đổi điều kiện hạn chế về nhóm ngành đào tạo cao đẳng trở lên đối với nhân viên nghiệp vụ tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 112/2021/NĐ-CP, chỉ quy định về kinh nghiệm làm việc.

- Bãi bỏ điều kiện “Nhân viên nghiệp vụ phải có giao kết hợp đồng lao động”.

Lý do: tạo điều kiện để doanh nghiệp chủ động, linh hoạt trong tuyển dụng, sử dụng nhân viên nghiệp vụ.

- Bãi bỏ điều kiện “Trường hợp doanh nghiệp thuê cơ sở vật chất để tổ chức giáo dục định hướng thì thời hạn thuê phải còn ít nhất 02 năm tại thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép”.

- Bãi bỏ điều kiện “Chi nhánh được doanh nghiệp dịch vụ giao tổ chức giáo dục định hướng phải có cơ sở vật chất đảm bảo điều kiện an toàn, vệ sinh, có phòng học và phòng nội trú đáp ứng quy định tại điểm b và điểm b khoản 1 Điều này và thời hạn thuê (nếu chi nhánh thuê cơ sở vật chất) phải tối thiểu là 02 năm”.

Lý do: tạo điều kiện để doanh nghiệp chủ động, linh hoạt trong đàm phán hợp đồng thuê, phù hợp điều kiện thực tiễn và sự biến đổi nhanh chóng của thị trường.

- Bãi bỏ điều kiện “Doanh nghiệp dịch vụ phải duy trì quyền sử dụng hợp pháp cơ sở vật chất để tổ chức giáo dục định hướng trong suốt thời gian hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng”.

Lý do: thực hiện hậu kiểm.

- Bãi bỏ điều kiện “Trang thông tin điện tử của doanh nghiệp phải bảo đảm hoạt động thường xuyên, liên tục theo quy định của pháp luật về quản lý, cung cấp và sử dụng thông tin trên mạng”.

Lý do: thực hiện hậu kiểm.

b) Về quy định thủ tục hành chính:

- Bãi bỏ quy định yêu cầu nộp Phiếu lý lịch tư pháp. Trường hợp cần thiết, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp để hoàn thiện hồ sơ; hoặc cá nhân được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID.

- Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 20 ngày còn 15 ngày.

2.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 4, Điều 5 và Điều 6 Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; khoản 2 Điều 7 Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

2.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Lợi ích từ việc cắt giảm, đơn giản hoá yêu cầu, điều kiện:

- Tổng số yêu cầu, điều kiện trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 09.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện cắt giảm, đơn giản hóa: 06.
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa: 40% (6/15).

b) Lợi ích từ việc cắt giảm chi phí tuân thủ, thời gian giải quyết thủ tục hành chính:

(i) Tỷ lệ cắt giảm chi phí tuân thủ:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 527.768.000 đồng.
- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 369.438.000 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 158.330.000 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

(ii) Tỷ lệ cắt giảm về thời gian giải quyết thủ tục hành chính:

- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 20 ngày.
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15 ngày.
- Thời gian cắt giảm: 05 ngày.
- Tỷ lệ cắt giảm: 25%.

3. Thủ tục hành chính 3

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 1.010653)

Đổi Giấy phép hoạt động dịch vụ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 74 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

3.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 10 ngày còn 07 ngày.

3.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 Nghị định số 112/2021/NĐ-CP.

3.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10 ngày.
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 07 ngày.
- Thời gian cắt giảm: 03 ngày.
- Tỷ lệ cắt giảm: 30%.

4. Thủ tục hành chính 4

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 1.010656).

Đăng ký hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc nghề nghiệp tại Nhật Bản (05 YCĐK).

4.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Về yêu cầu, điều kiện:

- Bãi bỏ điều kiện doanh nghiệp “Đang thực hiện hợp đồng cung ứng lao động Việt Nam đi làm việc tại Nhật Bản”.
- Bãi bỏ điều kiện “Có ít nhất 01 giáo viên tiếng Nhật trình độ tối thiểu N2 (chuẩn JLPT) hoặc tương đương để bồi dưỡng tiếng Nhật cho người lao động theo chương trình của Nhật Bản”.

Lý do: doanh nghiệp hoạt động dịch vụ cung ứng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại Nhật Bản đã có nhân viên có trình độ tiếng Nhật N2 hoặc tương đương trở lên có thể đào tạo tiếng cho người lao động.

b) Về quy định thủ tục hành chính:

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “01 bản sao văn bằng, chứng chỉ tiếng Nhật của giáo viên tiếng Nhật” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 17 Nghị định số 112/2021/NĐ-CP.

Lý do: bãi bỏ điều kiện “Có ít nhất 01 giáo viên tiếng Nhật trình độ tối thiểu N2 (chuẩn JLPT) hoặc tương đương để bồi dưỡng tiếng Nhật cho người lao động theo chương trình của Nhật Bản” do doanh nghiệp hoạt động dịch vụ cung ứng đưa người lao động đi làm việc tại Nhật Bản đã có nhân viên có trình độ tiếng Nhật N2 hoặc tương đương trở lên có thể đào tạo tiếng cho người lao động.

- Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 05 ngày còn 04 ngày.

4.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 17, Điều 18 Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

4.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Lợi ích từ việc cắt giảm yêu cầu, điều kiện:

- Tổng số yêu cầu, điều kiện trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 05.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 03.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện cắt giảm, đơn giản hóa: 02.
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa: 40% (2/5).

b) Lợi ích từ việc cắt giảm chi phí tuân thủ, thời gian giải quyết thủ tục hành chính:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 19.428.600 đồng.
- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 17.657.640 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 1.770.960 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9%.
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 05 ngày.
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 04 ngày.
- Thời gian cắt giảm: 01 ngày.
- Tỷ lệ cắt giảm: 20%.

5. Thủ tục hành chính 5

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 2.001984).

Hỗ trợ doanh nghiệp khai thác, phát triển và ổn định thị trường lao động nước ngoài.

5.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày làm việc còn 10 ngày làm việc.

5.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 Quyết định số 40/2021/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước.

5.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10 ngày làm việc.
- Thời gian cắt giảm: 05 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm: 33.3%.

6. Thủ tục hành chính 6

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 1.005054).

Hỗ trợ thân nhân của người lao động bị chết, mất tích trong thời gian làm việc ở nước ngoài.

6.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày làm việc còn 10 ngày làm việc.

6.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 14 Quyết định số 40/2021/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước.

6.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10 ngày làm việc.

- Thời gian cắt giảm: 05 ngày làm việc.

- Tỷ lệ cắt giảm: 33.3%.

7. Thủ tục hành chính 7

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 1.005050).

Hỗ trợ doanh nghiệp trong các trường hợp: (i) giải quyết rủi ro cho người lao động; (ii) đưa thi hài, di hài của người lao động bị chết về nước.

7.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày làm việc còn 10 ngày làm việc.

7.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 19 Quyết định số 40/2021/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước.

7.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10 ngày làm việc.

- Thời gian cắt giảm: 05 ngày làm việc.

- Tỷ lệ cắt giảm: 33.3%.

8. Thủ tục hành chính 8

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 1.001978).

Hỗ trợ người lao động trong một số trường hợp rủi ro khi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

8.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày làm việc còn 10 ngày làm việc.

8.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 11, khoản 3 Điều 12 Quyết định số 40/2021/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước.

8.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10 ngày làm việc.

- Thời gian cắt giảm: 05 ngày làm việc.

- Tỷ lệ cắt giảm: 33.3%.

9. Thủ tục hành chính 9

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 1.001976).

Hỗ trợ người lao động phải về nước trước thời hạn do bị tai nạn lao động, tai nạn rủi ro, ốm đau, bệnh tật đến mức không còn khả năng tiếp tục làm việc ở nước ngoài.

9.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày làm việc còn 10 ngày làm việc.

9.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 10 Quyết định số 40/2021/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước.

9.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10 ngày làm việc.

- Thời gian cắt giảm: 05 ngày làm việc.

- Tỷ lệ cắt giảm: 33.3%.

10. Thủ tục hành chính 10

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 1.008388).

Đăng ký hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở Nhật Bản.

10.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 05 ngày còn 04 ngày.

10.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 16 Nghị định số 112/2021/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 05 ngày.

- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 04 ngày.

- Thời gian cắt giảm: 01 ngày.

- Tỷ lệ cắt giảm: 20%.

11. Thủ tục hành chính 11

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.013727).

Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập từ 90 ngày trở lên.

11.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ nội dung “được chứng thực” đối với các bản dịch tiếng Việt của hợp đồng nhận lao động thực tập.

Lý do: tạo điều kiện để doanh nghiệp chủ động, linh hoạt trong chuẩn bị hồ sơ, phần lớn các doanh nghiệp có nhân viên có năng lực ngoại ngữ phù hợp với thị trường, có thể thực hiện dịch thuật tài liệu mà không cần qua dịch vụ dịch thuật công chứng, chứng thực bản dịch.

- Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 05 ngày còn 03 ngày.

11.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 40 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

11.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 8.174.800 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 8.174.800 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 05 ngày.

- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 03 ngày.

- Thời gian cắt giảm: 02 ngày.

- Tỷ lệ cắt giảm: 40%.

12. Thủ tục hành chính 12

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.013731).

Đăng ký hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài (06 YCDK).

12.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Về yêu cầu, điều kiện:

- Bãi bỏ điều kiện doanh nghiệp “Đang thực hiện hợp đồng cung ứng lao động Việt Nam đi làm việc tại nước tiếp nhận”.

- Bãi bỏ điều kiện “Có ít nhất 01 nhân viên nghiệp vụ thực hiện hoạt động tìm kiếm, phát triển thị trường lao động nước ngoài có năng lực ngoại ngữ phù hợp với nước tiếp nhận lao động và ít nhất 01 năm kinh nghiệm về đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại nước tiếp nhận”.

Lý do: doanh nghiệp hoạt động dịch vụ cung ứng đưa người lao động đi giúp việc gia đình đã có nhân viên nghiệp vụ thường trực ở nước ngoài với yêu cầu điều kiện tương đương, có thể thực hiện hoạt động tìm kiếm phát triển thị trường.

- Bãi bỏ điều kiện “Phải bảo đảm người lao động đã có kinh nghiệm làm giúp việc gia đình ở nước ngoài hoặc có kiến thức làm giúp việc gia đình và trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của bên nước ngoài tiếp nhận lao động theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội”.

Lý do: điều kiện này thực hiện theo hợp đồng cung ứng.

b) Về quy định thủ tục hành chính:

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “01 bản sao văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ; 01 bản sao giấy tờ chứng minh kinh nghiệm làm việc (hợp đồng lao động, văn bản chấm dứt hợp đồng lao động hoặc quá trình tham gia bảo hiểm xã hội hoặc giấy xác nhận kinh nghiệm của nơi đã làm việc) của nhân viên nghiệp vụ thực hiện hoạt động tìm kiếm, phát triển thị trường lao động ngoài nước quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 Nghị định số 112/2021/NĐ-CP.

Lý do: bãi bỏ điều kiện “Có ít nhất 01 nhân viên nghiệp vụ thực hiện hoạt động tìm kiếm, phát triển thị trường lao động ngoài nước có năng lực ngoại ngữ phù hợp với nước tiếp nhận lao động và ít nhất 01 năm kinh nghiệm về đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại nước tiếp nhận” do doanh nghiệp hoạt động dịch vụ cung ứng đưa người lao động đi giúp việc gia đình đã có nhân viên nghiệp vụ thường trực ở nước ngoài với yêu cầu điều kiện tương đương, có thể thực hiện hoạt động tìm kiếm phát triển thị trường.

- Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 05 ngày còn 04 ngày.

12.2. Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ điểm a khoản 2 Điều 20 Nghị định số 112/2021/NĐ-CP.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 20, Điều 21 Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

12.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Lợi ích cắt giảm, đơn giản hoá yêu cầu, điều kiện:

- Tổng số yêu cầu, điều kiện trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 06.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 03.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện cắt giảm, đơn giản hóa: 03.
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa: 50% (3/6).

b) Lợi ích cắt giảm chi phí tuân thủ, thời gian giải quyết thủ tục hành chính:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 884.448 đồng.
- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 536.320 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 220.064 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 29%.
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 05 ngày.
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 04 ngày.
- Thời gian cắt giảm: 01 ngày.
- Tỷ lệ cắt giảm: 20%.

13. Thủ tục hành chính 13

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.013733).

Chuẩn bị nguồn lao động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

13.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ nội dung “được chứng thực” đối với các bản dịch tiếng Việt của văn bản đề nghị hoặc thỏa thuận hợp tác với bên nước ngoài tiếp nhận lao động.

Lý do: tạo điều kiện để doanh nghiệp chủ động, linh hoạt trong chuẩn bị hồ sơ, phần lớn các doanh nghiệp có nhân viên nghiệp vụ có năng lực ngoại ngữ phù hợp với thị trường, có thể thực hiện dịch thuật tài liệu mà không cần qua dịch vụ dịch thuật công chứng, chứng thực bản dịch.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ:

+ “Phương án chuẩn bị nguồn lao động, trong đó nêu rõ số lượng người lao động, thời gian và phương thức chuẩn bị nguồn lao động”;

+ “Cam kết ưu tiên tuyển chọn người lao động đã tham gia hoạt động chuẩn bị nguồn lao động”.

Lý do: Các nội dung này sẽ đưa vào Văn bản về việc chuẩn bị nguồn, không cần thiết phải lập thành văn bản riêng.

13.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung Điều 18, Điều 20 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; Điều 3 và Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021; Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BLĐTBXH ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021.

13.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.217.088 đồng.
- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.072.896 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 1.144.192 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 36%.

14. Thủ tục hành chính 14

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.013730).

Nhận lại tiền kỹ quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng từ 90 ngày trở lên).

14.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày còn 10 ngày.

14.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 25 và khoản 3 Điều 28 Nghị định số 112/2021/NĐ-CP.

14.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15 ngày.
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10 ngày.
- Thời gian cắt giảm: 05 ngày.
- Tỷ lệ cắt giảm: 33%.

15. Thủ tục hành chính 15

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.013729)

Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài (03 YCDK).

15.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ thủ tục hành chính.

Lý do: Chuyển thành công bố điều kiện kinh doanh thay vì cấp văn bản trả lời cho doanh nghiệp.

15.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung Điều 30, 31 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

15.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Lợi ích từ việc cắt giảm, đơn giản hoá yêu cầu, điều kiện:

- Tổng số yêu cầu, điều kiện trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 03.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện cắt giảm, đơn giản hóa: 03.
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa: 100% (3/3).

b) Lợi ích từ việc cắt giảm chi phí tuân thủ, thời gian giải quyết thủ tục hành chính:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10.369.800 đồng.
- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 10.369.800 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 05 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 ngày làm việc.
- Thời gian cắt giảm: 05 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm: 100%.

16. Thủ tục hành chính 16

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.013728).

Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của tổ chức, cá nhân Việt Nam đầu tư ra nước ngoài (03 YCĐK).

16.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ thủ tục hành chính.

Lý do: Chuyển thành công bố điều kiện kinh doanh thay vì cấp văn bản trả lời cho doanh nghiệp.

16.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung Điều 33, 34 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

16.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Lợi ích từ việc cắt giảm, đơn giản hoá yêu cầu, điều kiện:

- Tổng số yêu cầu, điều kiện trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 03.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện cắt giảm, đơn giản hóa: 03.
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa: 100% (3/3).

b) Lợi ích từ việc cắt giảm chi phí tuân thủ, thời gian giải quyết thủ tục hành chính:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7.703.280 đồng.
- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 7.703.280 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 05 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 ngày làm việc.
- Thời gian cắt giảm: 05 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm: 100%.

17. Thủ tục hành chính 17

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.005132).

Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày.

17.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ nội dung “được chứng thực” đối với các bản dịch tiếng Việt của hợp đồng nhận lao động thực tập.

Lý do: tạo điều kiện để doanh nghiệp chủ động, linh hoạt trong chuẩn bị hồ sơ, phần lớn các doanh nghiệp có nhân viên có năng lực ngoại ngữ phù hợp với thị trường, có thể thực hiện dịch thuật tài liệu mà không cần qua dịch vụ dịch thuật công chứng, chứng thực bản dịch.

- Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 05 ngày còn 03 ngày.

17.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 40 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

17.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.770.328 đồng.
- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.239.230 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 531.098 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 05 ngày.

- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 03 ngày.

- Thời gian cắt giảm: 02 ngày.

- Tỷ lệ cắt giảm: 40%.

18. Thủ tục hành chính 18

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.000502).

Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng dưới 90 ngày).

18.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 05 ngày còn 03 ngày.

18.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 28 Nghị định số 112/2021/NĐ-CP.

18.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 05 ngày.

- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 03 ngày.

- Thời gian cắt giảm: 02 ngày.

- Tỷ lệ cắt giảm: 40%.

MỤC II

NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH 2:

KINH DOANH DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG

I. QUY ĐỊNH VỀ YÊU CẦU, ĐIỀU KIỆN KINH DOANH

1. Thủ tục hành chính 1

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 1.000354).

Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động (04 YCDK).

1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Về yêu cầu, điều kiện:

- Đơn giản hóa điều kiện về thiết bị, đề xuất sửa điều kiện thành “Bảo đảm thiết bị, dụng cụ phục vụ kiểm định cho từng đối tượng thuộc phạm vi kiểm định, theo yêu cầu tại quy trình kiểm định”.

- Đơn giản hóa điều kiện về kinh nghiệm làm kiểm định viên đối với người phụ trách kỹ thuật hoạt động kiểm định, đề xuất giảm thời gian kinh nghiệm từ 02 năm xuống 01 năm.

b) Về quy định thủ tục hành chính:

- Đơn giản hóa mẫu Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 30 ngày xuống còn 20 ngày.

- Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (qua Cổng Dịch vụ công quốc gia).

1.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 1 Điều 4, điểm b khoản 5 Điều 5 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 và Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

- Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

1.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Lợi ích từ việc cắt giảm, đơn giản hóa yêu cầu, điều kiện:

- Tổng số yêu cầu, điều kiện trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 04.

- Tổng số yêu cầu, điều kiện sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 02.

- Tổng số yêu cầu, điều kiện cắt giảm, đơn giản hóa: 02.

- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa: 50% (2/4).

b) Lợi ích từ việc cắt giảm chi phí tuân thủ, thời gian giải quyết thủ tục hành chính:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 67.395.875 đồng.
- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 47.177.112 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 20.218.763 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 30 ngày.
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 20 ngày.
- Thời gian cắt giảm: 10 ngày.
- Tỷ lệ cắt giảm: 33.3%.

2. Thủ tục hành chính 2

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 2.000199).

Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động (05 YCĐK).

2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Về yêu cầu, điều kiện:

- Đơn giản hóa điều kiện về thiết bị, đề xuất sửa điều kiện thành “Bảo đảm thiết bị, dụng cụ phục vụ kiểm định cho từng đối tượng thuộc phạm vi kiểm định, theo yêu cầu tại quy trình kiểm định”.
- Đơn giản hóa điều kiện về kinh nghiệm làm kiểm định viên đối với người phụ trách kỹ thuật hoạt động kiểm định, đề xuất giảm thời gian kinh nghiệm từ 02 năm xuống 01 năm.

b) Về quy định thủ tục hành chính:

- Đơn giản hóa mẫu Đơn đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.
- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 30 ngày xuống còn 20 ngày.
- Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (qua Công Dịch vụ công quốc gia).

2.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 1 Điều 4, điểm b khoản 5 Điều 5 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 và Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

- Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

2.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Lợi ích từ việc cắt giảm, đơn giản hóa yêu cầu, điều kiện:

- Tổng số yêu cầu, điều kiện trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 05.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 03.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện cắt giảm, đơn giản hóa: 02.
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa: 40% (2/5).

b) Lợi ích từ việc cắt giảm chi phí tuân thủ, thời gian giải quyết thủ tục hành chính:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 33.679.938 đồng.

- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 23.570.557 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 10.109.381 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 30 ngày.

- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 20 ngày.

- Thời gian cắt giảm: 10 ngày.

- Tỷ lệ cắt giảm: 33.3%.

3. Thủ tục hành chính 3

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 1.000137).

Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với trường hợp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận (04 YCDK).

3.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Về yêu cầu, điều kiện:

- Đơn giản hóa điều kiện về thiết bị, đề xuất sửa điều kiện thành “Bảo đảm thiết bị, dụng cụ phục vụ kiểm định cho từng đối tượng thuộc phạm vi kiểm định, theo yêu cầu tại quy trình kiểm định”.

- Đơn giản hóa điều kiện về kinh nghiệm làm kiểm định viên đối với người phụ trách kỹ thuật hoạt động kiểm định, đề xuất giảm thời gian kinh nghiệm từ 02 năm xuống 01 năm.

b) Về quy định thủ tục hành chính:

- Đơn giản hóa mẫu Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động trong trường hợp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận.

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 30 ngày xuống còn 20 ngày.

- Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (qua Cổng Dịch vụ công quốc gia).

3.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 1 Điều 4, điểm b khoản 5 Điều 5 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 và Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

- Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

3.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Lợi ích từ việc cắt giảm, đơn giản hóa yêu cầu, điều kiện:

- Tổng số yêu cầu, điều kiện trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 04.

- Tổng số yêu cầu, điều kiện sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 02.

- Tổng số yêu cầu, điều kiện cắt giảm, đơn giản hóa: 02.

- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa: 50% (2/4).

b) Lợi ích từ việc cắt giảm chi phí tuân thủ, thời gian giải quyết thủ tục hành chính:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 16.000.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 12.800.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 3.200.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 30 ngày.

- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 20 ngày.

- Thời gian cắt giảm: 10 ngày.

- Tỷ lệ cắt giảm: 33.3%.

4. Thủ tục hành chính 4

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 1.000131).

Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với Giấy chứng nhận bị mất, hỏng.

4.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Đơn giản hóa mẫu Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với Giấy chứng nhận bị mất, hỏng.
- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 30 ngày xuống còn 20 ngày.
- Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (qua Cổng Dịch vụ công quốc gia).

4.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 4, điểm b khoản 5 Điều 5 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 và Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.
- Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

4.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 56.125.000 đồng.
- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 44.900.000 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 11.225.000 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 30 ngày.
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 20 ngày.
- Thời gian cắt giảm: 10 ngày.
- Tỷ lệ cắt giảm: 33.3%.

5. Thủ tục hành chính 5

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 1.000148).

Cấp Chứng chỉ kiểm định viên (03 YCĐK).

5.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Về yêu cầu, điều kiện:

- Bãi bỏ điều kiện “hoặc làm công việc thiết kế, sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, vận hành, bảo trì về đối tượng kiểm định”.
- Bãi bỏ điều kiện “hoặc có thời gian thực hiện kiểm định đối tượng kiểm định trên 10 năm tính đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực”.

b) Về quy định thủ tục hành chính:

- Đơn giản hóa mẫu Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ kiểm định viên.

- Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (qua Cổng Dịch vụ công quốc gia).

5.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 4 Điều 9 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 và Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

- Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

5.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Lợi ích từ việc cắt giảm, đơn giản hóa yêu cầu, điều kiện:

- Tổng số yêu cầu, điều kiện trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 03.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 01.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện cắt giảm, đơn giản hóa: 02.
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa: 66.7% (2/3).

b) Lợi ích từ việc cắt giảm chi phí tuân thủ:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 329.937.500 đồng.
- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 236.950.000 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 65.987.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

6. Thủ tục hành chính 6

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 2.000037).

Cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên đối với trường hợp bổ sung, sửa đổi nội dung chứng chỉ kiểm định viên (03 YCĐK).

6.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Về yêu cầu, điều kiện:

- Bãi bỏ điều kiện “hoặc làm công việc thiết kế, sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, vận hành, bảo trì về đối tượng kiểm định”.

- Bãi bỏ điều kiện “hoặc có thời gian thực hiện kiểm định đối tượng kiểm định trên 10 năm tính đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực”.

b) Về quy định thủ tục hành chính:

- Đơn giản hóa mẫu Đơn đề nghị cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên đối với trường hợp bổ sung, sửa đổi nội dung chứng chỉ kiểm định viên.

- Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (qua Cổng Dịch vụ công quốc gia).

Lý do: tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân trong việc thực hiện thủ tục hành chính, cắt giảm chi phí.

6.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 4 Điều 9 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 và Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

- Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

6.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Lợi ích từ việc cắt giảm, đơn giản hóa yêu cầu, điều kiện:

- Tổng số yêu cầu, điều kiện trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 03.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 01.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện cắt giảm, đơn giản hóa: 02.
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa: 66.7% (2/3).

b) Lợi ích từ việc cắt giảm chi phí tuân thủ:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 116.775.000 đồng.
- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 93.420.000 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 23.355.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

7. Thủ tục hành chính 7

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 1.000183).

Cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên trong trường hợp bị hỏng hoặc bị mất.

7.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Đơn giản hóa mẫu Đơn đề nghị cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên trong trường hợp bị hỏng hoặc bị mất.

- Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (qua Cổng Dịch vụ công quốc gia).

Lý do: tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân trong việc thực hiện thủ tục hành chính, cắt giảm chi phí.

7.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

7.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 56.125.000 đồng.
- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 44.900.000 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 11.225.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

8. Thủ tục hành chính 8

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 1.000187).

Cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên trong trường hợp hết hạn (03 YCĐK).

8.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Về yêu cầu, điều kiện:

- Bãi bỏ điều kiện “Có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành kỹ thuật phù hợp với đối tượng kiểm định”.
- Bãi bỏ điều kiện “Có ít nhất 02 năm làm kỹ thuật kiểm định hoặc làm công việc thiết kế, sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, vận hành, bảo trì về đối tượng kiểm định”.
- Bãi bỏ điều kiện “hoặc có thời gian thực hiện kiểm định đối tượng kiểm định trên 10 năm tính đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực”.

b) Về quy định thủ tục hành chính:

- Đơn giản hóa mẫu Đơn đề nghị cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên trong trường hợp hết hạn.
- Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (qua Cổng Dịch vụ công quốc gia).

Lý do: tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân trong việc thực hiện thủ tục hành chính, cắt giảm chi phí.

8.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 9 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 và Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

- Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

8.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Lợi ích từ việc cắt giảm, đơn giản hóa yêu cầu, điều kiện:

- Tổng số yêu cầu, điều kiện trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 03.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện cắt giảm, đơn giản hóa: 03.

- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa: 100% (3/3).

b) Lợi ích từ việc cắt giảm chi phí tuân thủ:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 103.500.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 82.800.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 20.700.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

9. Thủ tục hành chính 9

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 1.000180).

Cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên đối với trường hợp bị thu hồi (03 YCDK).

9.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Về yêu cầu, điều kiện:

Bãi bỏ điều kiện “Chứng chỉ kiểm định viên chỉ được xem xét cấp lại sau thời hạn ít nhất 06 tháng, kể từ ngày bị thu hồi”.

b) Về quy định thủ tục hành chính:

- Đơn giản hóa mẫu Đơn đề nghị cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên đối với trường hợp bị thu hồi.

- Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (qua Cổng Dịch vụ công quốc gia).

Lý do: tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân trong việc thực hiện thủ tục hành chính, cắt giảm chi phí.

9.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 10 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 và Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

- Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

9.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Lợi ích từ việc cắt giảm, đơn giản hóa yêu cầu, điều kiện:

- Tổng số yêu cầu, điều kiện trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 03.

- Tổng số yêu cầu, điều kiện sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 02.

- Tổng số yêu cầu, điều kiện cắt giảm, đơn giản hóa: 01.

- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa: 33.3% (1/3).

b) Lợi ích từ việc cắt giảm chi phí tuân thủ:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 56.125.000 đồng.
- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 44.900.000 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 11.225.000 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

MỤC III
NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH 3:
KINH DOANH DỊCH VỤ HUẤN LUYỆN AN TOÀN LAO ĐỘNG,
VỆ SINH LAO ĐỘNG

1. Thủ tục hành chính 1

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 1.005451).

Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (các tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập), hạng C; Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (các tổ chức tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập), hạng C (10 YCDK).

1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Về yêu cầu, điều kiện:

Điều kiện tổ chức huấn luyện hạng B:

(i) Bãi bỏ điều kiện “Có hoặc hợp đồng thuê, liên kết để có máy, thiết bị, hóa chất, xưởng, khu thực hành bảo đảm yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với chuyên ngành đăng ký huấn luyện”.

(ii) Đơn giản hóa điều kiện “Có ít nhất 04 người huấn luyện hữu cơ” thành “Có ít nhất 02 người huấn luyện hữu cơ”.

Điều kiện tổ chức huấn luyện hạng C:

(i) Bãi bỏ điều kiện “Có hoặc hợp đồng thuê, liên kết để có máy, thiết bị, hóa chất, xưởng, khu thực hành bảo đảm yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với chuyên ngành đăng ký huấn luyện”.

(ii) Bãi bỏ điều kiện “Máy, thiết bị, vật tư, hóa chất, nơi huấn luyện thực hành phải bảo đảm yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật”.

Lý do: Vì ghép cùng điều kiện quy định đã bỏ điểm b khoản 3 Điều 26 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 và Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

(iii) Bãi bỏ điều kiện “Khu huấn luyện thực hành bảo đảm diện tích ít nhất 300 m²”.

Lý do: Vì ghép cùng điều kiện quy định đã bỏ điểm b khoản 3 Điều 26 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết

một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 và Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

(iv) Đơn giản hóa điều kiện “Có ít nhất 04 người huấn luyện cơ hữu huấn luyện nội dung pháp luật nội dung nghiệp vụ, trong đó có 01 người huấn luyện nội dung chuyên ngành, thực hành phù hợp với chuyên ngành đăng ký huấn luyện, 01 người huấn luyện sơ cứu, cấp cứu tai nạn lao động” thành “Có ít nhất 04 người huấn luyện hữu cơ, trong đó có 02 người huấn luyện trình độ đại học trở lên”.

b) Về quy định thủ tục hành chính:

- Bãi bỏ thủ tục cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B. Quy định trở thành đơn vị hạng II, bổ sung thêm nhóm đối tượng được huấn luyện (nhóm 3) và không phải xin cấp Giấy chứng nhận, chỉ cần thỏa mãn điều kiện, lưu hồ sơ tại đơn vị; không phải nộp phí.

- Phân cấp cho địa phương cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng C. Quy định trở thành đơn vị hạng I, thời hạn Giấy chứng nhận kéo dài từ 5 năm thành 10 năm. Gia hạn tự động kéo dài với các đơn vị đã được cấp còn hiệu lực từ 01/7/2025 thành 10 năm.

- Đơn giản hóa mẫu Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động.

- Đơn giản hóa Mẫu bản thuyết minh về các điều kiện, giải pháp thực hiện.

- Đơn giản hóa Mẫu tài liệu huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động.

- Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 25 ngày xuống còn 15 ngày làm việc.

1.2. Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ điểm b khoản 3 điều 26 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 và Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 26; khoản 1 và khoản 4 Điều 28 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 và Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

1.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Lợi ích từ việc cắt giảm, đơn giản hóa yêu cầu, điều kiện:

- Tổng số yêu cầu, điều kiện trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 04.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện cắt giảm, đơn giản hóa: 06.
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa: 60% (6/10).

b) Lợi ích từ việc cắt giảm chi phí tuân thủ, thời gian giải quyết thủ tục hành chính:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 65.991.250 đồng.
- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 46.193.875 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 19.797.375 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 30 ngày.
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15 ngày làm việc (tương đương với 19 ngày).
- Thời gian cắt giảm: 11 ngày.
- Tỷ lệ cắt giảm: 36.7%.

2. Thủ tục hành chính 2

Thủ tục hành chính cấp Trung ương (Mã TTHC: 1.005448).

Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (các tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập), hạng C; Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (các tổ chức tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập), hạng C (10 YCĐK).

2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Về yêu cầu, điều kiện:

Điều kiện tổ chức huấn luyện hạng B:

(i) Bãi bỏ điều kiện “Có hoặc hợp đồng thuê, liên kết để có máy, thiết bị, hóa chất, xưởng, khu thực hành bảo đảm yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với chuyên ngành đăng ký huấn luyện”.

(ii) Đơn giản hóa điều kiện “Có ít nhất 04 người huấn luyện hữu cơ” thành “Có ít nhất 02 người huấn luyện hữu cơ”.

(iii) Không còn thủ tục “bổ sung” do chỉ cấp theo hạng C, bỏ phạm vi cấp theo nhóm 3. Chỉ còn thủ tục cấp lại khi mất, hỏng Giấy chứng nhận; cấp đổi khi đổi tên; các thủ tục này không phát sinh thêm điều kiện kinh doanh.

Điều kiện tổ chức huấn luyện hạng C:

(i) Bãi bỏ điều kiện “Có hoặc hợp đồng thuê, liên kết để có máy, thiết bị, hóa chất, xưởng, khu thực hành bảo đảm yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với chuyên ngành đăng ký huấn luyện”.

(ii) Bãi bỏ điều kiện “Máy, thiết bị, vật tư, hóa chất, nơi huấn luyện thực hành phải bảo đảm yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật”.

Lý do: Vì ghép cùng điều kiện quy định đã bỏ điểm b khoản 3 Điều 26 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 và Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

(iii) Bãi bỏ điều kiện “Khu huấn luyện thực hành bảo đảm diện tích ít nhất 300 m²”.

Lý do: Vì ghép cùng điều kiện quy định đã bỏ điểm b khoản 3 Điều 26 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 và Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

(iv) Đơn giản hóa điều kiện “Có ít nhất 04 người huấn luyện cơ hữu huấn luyện nội dung pháp luật nội dung nghiệp vụ, trong đó có 01 người huấn luyện nội dung chuyên ngành, thực hành phù hợp với chuyên ngành đăng ký huấn luyện, 01 người huấn luyện sơ cứu, cấp cứu tai nạn lao động” thành “Có ít nhất 04 người huấn luyện hữu cơ, trong đó có 02 người huấn luyện trình độ đại học trở lên”.

(v) Không còn thủ tục “bổ sung” do chỉ cấp theo hạng C, bỏ phạm vi cấp theo nhóm 3. Chỉ còn thủ tục cấp lại khi mất, hỏng Giấy chứng nhận; cấp đổi khi đổi tên; các thủ tục hành không phát sinh thêm điều kiện kinh doanh.

b) Về quy định thủ tục hành chính:

- Bãi bỏ thủ tục gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B.

- Bãi bỏ thủ tục cấp bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng C.

- Đơn giản hóa mẫu Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động.

- Đơn giản hóa Mẫu bản thuyết minh về các điều kiện, giải pháp thực hiện.

- Đơn giản hóa Mẫu tài liệu huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động.

- Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 30 ngày xuống còn 15 ngày làm việc.

2.2. Kiểm nghị thực thi:

- Bãi bỏ điểm b khoản 3 điều 26 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 và Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 26; khoản 1 và khoản 4 Điều 28 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 và Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

2.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Lợi ích từ việc cắt giảm, đơn giản hóa yêu cầu, điều kiện:

- Tổng số yêu cầu, điều kiện trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 04.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện cắt giảm, đơn giản hóa: 06.
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa: 60% (6/10).

b) Lợi ích từ việc cắt giảm chi phí tuân thủ, thời gian giải quyết thủ tục hành chính:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 76.687.500 đồng.
- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 46.012.500 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 30.675.000 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40%.
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 30 ngày.
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15 ngày làm việc (tương đương với 19 ngày).
- Thời gian cắt giảm: 11 ngày.
- Tỷ lệ cắt giảm: 36.7%.

3. Thủ tục hành chính 3

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.005449).

Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ các tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ

quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập) (04 YCDK).

2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Về yêu cầu, điều kiện:

Điều kiện tổ chức huấn luyện hạng B:

(i) Bãi bỏ điều kiện “Có hoặc hợp đồng thuê, liên kết để có máy, thiết bị, hóa chất, xưởng, khu thực hành bảo đảm yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với chuyên ngành đăng ký huấn luyện”.

(ii) Đơn giản hóa điều kiện “Có ít nhất 04 người huấn luyện hữu cơ” thành “Có ít nhất 02 người huấn luyện hữu cơ”.

b) Về quy định thủ tục hành chính:

- Đơn giản hóa mẫu Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động.

- Đơn giản hóa Mẫu bản thuyết minh về các điều kiện, giải pháp thực hiện.

- Đơn giản hóa Mẫu tài liệu huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động.

- Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 25 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc.

2.2. Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B.

- Bãi bỏ điểm b khoản 3 điều 26 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 và Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 26; khoản 1 và khoản 4 Điều 28 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 và Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

- Đối với cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B: Quy định trở thành đơn vị hạng II, bổ sung thêm nhóm đối tượng được huấn luyện (nhóm 3) và không phải xin cấp Giấy chứng nhận, chỉ cần thỏa mãn điều kiện, lưu hồ sơ tại đơn vị; không phải nộp phí.

- Phân cấp cho địa phương cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng C.

Quy định trở thành đơn vị hạng I, thời hạn Giấy chứng nhận kéo dài từ 5 năm thành 10 năm.

Gia hạn tự động kéo dài với các đơn vị đã được cấp còn hiệu lực từ 01/7/2025 thành 10 năm.

2.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Lợi ích từ việc cắt giảm, đơn giản hóa yêu cầu, điều kiện:

- Tổng số yêu cầu, điều kiện trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 04.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 02.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện cắt giảm, đơn giản hóa: 02.
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa: 50% (2/4).

b) Lợi ích từ việc cắt giảm chi phí tuân thủ, thời gian giải quyết thủ tục hành chính:

- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 25 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15 ngày làm việc.

- Thời gian cắt giảm: 10 ngày.

- Tỷ lệ cắt giảm: 40%.

4. Thủ tục hành chính 4

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.005450).

Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập).

4.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Về yêu cầu, điều kiện:

Điều kiện tổ chức huấn luyện hạng B:

(i) Bãi bỏ điều kiện “Có hoặc hợp đồng thuê, liên kết để có máy, thiết bị, hóa chất, xưởng, khu thực hành bảo đảm yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với chuyên ngành đăng ký huấn luyện”.

(ii) Đơn giản hóa điều kiện “Có ít nhất 04 người huấn luyện hữu cơ” thành “Có ít nhất 02 người huấn luyện hữu cơ”.

(iii) Không còn thủ tục “bổ sung” do chỉ cấp theo hạng C, bỏ phạm vi cấp theo nhóm 3. Chỉ còn thủ tục cấp lại khi mất, hỏng Giấy chứng nhận; cấp đổi khi đổi tên; các thủ tục này không phát sinh thêm điều kiện kinh doanh.

b) Về quy định thủ tục hành chính:

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

4.2. Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ điểm b khoản 3 điều 26 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 và Nghị định số 4/2023/NĐ-CP ngày 13/02/2023.

- Đối với cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B: Quy định trở thành đơn vị hạng II, bổ sung thêm nhóm đối tượng được huấn luyện (nhóm 3) và không phải xin cấp Giấy chứng nhận, chỉ cần thỏa mãn điều kiện, lưu hồ sơ tại đơn vị; không phải nộp phí.

4.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Lợi ích từ việc cắt giảm, đơn giản hóa yêu cầu, điều kiện:

- Tổng số yêu cầu, điều kiện trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 04.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện cắt giảm, đơn giản hóa: 06.
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa: 60% (6/10).

b) Lợi ích từ việc cắt giảm chi phí tuân thủ, thời gian giải quyết thủ tục hành chính:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 119.062.500 đồng.
- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 119.062.500 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 30 ngày.
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 ngày.
- Thời gian cắt giảm: 30 ngày.
- Tỷ lệ cắt giảm: 100%.

MỤC IV

NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH 4:

KINH DOANH DỊCH VỤ VIỆC LÀM

I. QUY ĐỊNH VỀ YÊU CẦU, ĐIỀU KIỆN KINH DOANH

1. Thủ tục hành chính 1

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.001865).

Cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm (05 YCĐK).

1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá:

a) Về yêu cầu, điều kiện:

- Bãi bỏ điều kiện “theo hợp đồng từ 03 năm (36 tháng) trở lên”.

Lý do: tạo điều kiện cho tổ chức, doanh nghiệp trong việc bố trí trụ sở, chi nhánh để tổ chức hoạt động dịch vụ việc làm.

- Bãi bỏ điều kiện “Là người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp”;

- Bãi bỏ các điều kiện: “đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù”; “đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc”; “trốn khỏi nơi cư trú”; “bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc liên quan đến dịch vụ việc làm”.

- Bãi bỏ điều kiện “trong thời hạn 05 năm liền kể trước khi đề nghị cấp giấy phép”.

Lý do: phù hợp với Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về Phát triển kinh tế tư nhân và liên thông dữ liệu.

b) Về quy định thủ tục hành chính:

- Đổi tên thủ tục hành chính thành “*Cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm*” cho phù hợp với quy định tại Khoản 5 Điều 28 Luật Việc làm năm 2025.

- Bãi bỏ quy định yêu cầu nộp Phiếu lý lịch tư pháp của người Việt Nam đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp cần thiết, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cá nhân để hoàn thiện hồ sơ; hoặc cá nhân được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID.

Lý do: Phù hợp với Phương án đã được phê duyệt tại Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 11/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ; tiết kiệm thời gian chi phí, tạo thuận lợi cho cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

- Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Lý do: rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, giúp giảm chi phí, thời gian và tăng tính minh bạch cho doanh nghiệp.

- Đơn giản hóa Mẫu Đơn đề nghị cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm.
- Bãi bỏ Phiếu lý lịch tự thuật của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.
- Đơn giản hóa một số giấy tờ chứng minh kinh nghiệm của người đại diện theo pháp luật.
- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

1.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 Điều 14 Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm về Trung tâm Dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.
- Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 17 Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm về trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.

1.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Lợi ích từ việc cắt giảm, đơn giản hóa yêu cầu, điều kiện:

- Tổng số yêu cầu, điều kiện trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 05.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 01.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện cắt giảm, đơn giản hóa: 04.
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa: 80% (4/5).

b) Lợi ích từ việc cắt giảm chi phí tuân thủ, thời gian giải quyết thủ tục hành chính:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 55.193.750 đồng.
- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 38.635.625 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 16.558.125 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính trước khi cắt giảm: 07 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm: 05 ngày làm việc.
- Thời gian cắt giảm: 02 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm về thời gian: 28.6%.

2. Thủ tục hành chính 2

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.001823).

Gia hạn Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm (08 YCĐK).

2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá:

a) Về yêu cầu, điều kiện:

- Bãi bỏ điều kiện “theo hợp đồng từ 03 năm (36 tháng) trở lên”.

Lý do: tạo điều kiện cho tổ chức, doanh nghiệp trong việc bố trí trụ sở, chi nhánh để tổ chức hoạt động dịch vụ việc làm.

- Bãi bỏ điều kiện “Là người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp”;

- Bãi bỏ các điều kiện: “đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù”; “đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc”; “trốn khỏi nơi cư trú”; “bị Toà án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc liên quan đến dịch vụ việc làm”.

- Bãi bỏ điều kiện “trong thời hạn 05 năm liền kể trước khi đề nghị cấp giấy phép”.

Lý do: phù hợp với Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về Phát triển kinh tế tư nhân và liên thông dữ liệu.

b) Về quy định thủ tục hành chính:

- Đổi tên thủ tục hành chính thành “*Gia hạn Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm*” cho phù hợp với quy định tại Khoản 5 Điều 28 Luật Việc làm năm 2025.

- Bãi bỏ quy định yêu cầu nộp Phiếu lý lịch tư pháp của người Việt Nam đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp cần thiết, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cá nhân để hoàn thiện hồ sơ; hoặc cá nhân được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID.

Lý do: Phù hợp với Phương án đã được phê duyệt tại Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 11/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ; tiết kiệm thời gian chi phí, tạo thuận lợi cho cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

- Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Lý do: rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, giúp giảm chi phí, thời gian và tăng tính minh bạch cho doanh nghiệp.

- Đơn giản hóa Mẫu Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm.

- Bãi bỏ Phiếu lý lịch tư thuật của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

- Đơn giản hóa một số giấy tờ chứng minh kinh nghiệm của người đại diện theo pháp luật.

2.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 17 Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm về trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.

2.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hoá:

a) Lợi ích từ việc cắt giảm, đơn giản hóa yêu cầu, điều kiện:

- Tổng số yêu cầu, điều kiện trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 08.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 04.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện cắt giảm, đơn giản hóa: 04.
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa: 50% (4/8).

b) Lợi ích từ việc cắt giảm chi phí tuân thủ, thời gian giải quyết thủ tục hành chính:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 22.077.500 đồng.
- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 14.350.375 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 7.727.125 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 35%.

3. Thủ tục hành chính 3

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.001853).

Cấp lại Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm

3.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá:

- Đổi tên thủ tục hành chính thành “*Cấp lại Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm*” cho phù hợp với quy định tại Khoản 5 Điều 28 Luật Việc làm năm 2025.

- Bãi bỏ quy định yêu cầu nộp Phiếu lý lịch tư pháp của người Việt Nam đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp cần thiết, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cá nhân để hoàn thiện hồ sơ; hoặc cá nhân được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID.

Lý do: Phù hợp với Phương án đã được phê duyệt tại Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 11/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ; tiết kiệm thời gian chi phí, tạo thuận lợi cho cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

- Đơn giản hóa Mẫu Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp.

- Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Lý do: rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, giúp giảm chi phí, thời gian và tăng tính minh bạch cho doanh nghiệp.

- Bãi bỏ Phiếu lý lịch tự thuật của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.
- Đơn giản hóa một số giấy tờ chứng minh kinh nghiệm của người đại diện theo pháp luật.

3.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 17 Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm về trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.

3.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hoá:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 66.232.500 đồng.
- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 33.116.250 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 33.116.250 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.

MỤC V**NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH 5:****KINH DOANH DỊCH VỤ CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG****1. Thủ tục hành chính 1**

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.000479).

Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động (4 YCĐK).**1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá:****a) Về yêu cầu, điều kiện:**

Bãi bỏ điều kiện “là người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp”.

Lý do: tại khoản 2 Điều 12 Luật Doanh nghiệp quy định người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết các quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định.

b) Về quy định thủ tục hành chính:

- Bãi bỏ quy định yêu cầu nộp Phiếu lý lịch tư pháp của người Việt Nam đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp cần thiết, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cá nhân để hoàn thiện hồ sơ; hoặc cá nhân được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID.

Lý do: Phù hợp với Phương án đã được phê duyệt tại Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 11/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ; tiết kiệm thời gian chi phí, tạo thuận lợi cho cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

- Đơn giản hóa Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép cho thuê lại lao động của doanh nghiệp.

- Bãi bỏ Bản lý lịch tư thuật của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo Mẫu số 07/PLIII Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

Lý do: Có thể lồng ghép các nội dung cần thông tin vào Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép cho thuê lại lao động của doanh nghiệp.

- Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 27 ngày làm việc xuống còn 22 ngày làm việc.

- Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

1.1. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 24 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

1.1. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Lợi ích từ việc cắt giảm, đơn giản hóa yêu cầu, điều kiện:

- Tổng số yêu cầu, điều kiện trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 04.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 03.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện cắt giảm, đơn giản hóa: 01.
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa: 25% (1/4).

b) Lợi ích từ việc cắt giảm chi phí tuân thủ, thời gian giải quyết thủ tục hành chính:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 55.937.500 đồng.
- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 39.156.250 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 16.781.250 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính trước khi cắt giảm: 27 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm: 22 ngày làm việc.
- Thời gian cắt giảm: 05 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm về thời gian: 18.5%.

2. Thủ tục hành chính 2

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.000448).

Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động.

2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ quy định yêu cầu nộp Phiếu lý lịch tư pháp của người Việt Nam đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp cần thiết, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cá nhân để hoàn thiện hồ sơ; hoặc cá nhân được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID.

Lý do: Phù hợp với Phương án đã được phê duyệt tại Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 11/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ; tiết kiệm thời gian chi phí, tạo thuận lợi cho cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

- Đơn giản hóa Mẫu đơn đề nghị cấp lại Giấy phép cho thuê lại lao động của doanh nghiệp.

- Bãi bỏ Bản lý lịch tư thuật của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo Mẫu số 07/PLIII Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

Lý do: Có thể lồng ghép các nội dung cần thông tin vào Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép cho thuê lại lao động của doanh nghiệp.

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 22 ngày làm việc còn 15 ngày làm việc đối với trường hợp Giấy phép có thay đổi nội dung; bị mất; hư hỏng.

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 27 ngày làm việc còn 22 ngày làm việc đối với trường hợp doanh nghiệp thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang địa bàn khác.

Lý do: Tiết kiệm thời gian chi phí, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

- Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

2.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 27 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 22.812.500 đồng.
- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15.968.750 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 6.843.750 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 22 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15 ngày.
- Thời gian cắt giảm: 07 ngày.
- Tỷ lệ cắt giảm: 31.2%.

3. Thủ tục hành chính 3

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.000464).

Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động (07 YCĐK).

3.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

a) Về yêu cầu, điều kiện:

Bãi bỏ điều kiện “là người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp”.

Lý do: tại khoản 2 Điều 12 Luật Doanh nghiệp quy định người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết các quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định.

b) Về quy định thủ tục hành chính:

- Bãi bỏ quy định yêu cầu nộp Phiếu lý lịch tư pháp của người Việt Nam đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Trường hợp cần thiết, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cá nhân để hoàn thiện hồ sơ; hoặc cá nhân được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID.

Lý do: Phù hợp với Phương án đã được phê duyệt tại Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 11/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ; tiết kiệm thời gian chi phí, tạo thuận lợi cho cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

- Đơn giản hóa Mẫu đơn đề nghị gia hạn Giấy phép cho thuê lại lao động của doanh nghiệp.

- Bãi bỏ Bản lý lịch tư thuật của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp theo Mẫu số 07/PLIII Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

Lý do: Có thể lồng ghép các nội dung cần thông tin vào Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép cho thuê lại lao động của doanh nghiệp.

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 22 ngày làm việc còn 15 ngày làm việc.

- Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

3.2. Kiểm nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1, điểm a và điểm b khoản 2, điểm b và điểm c khoản 3 Điều 26 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

3.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Tổng số yêu cầu, điều kiện trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 07.

- Tổng số yêu cầu, điều kiện sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 06.

- Tổng số yêu cầu, điều kiện cắt giảm, đơn giản hóa: 01.

- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa: 14.3% (1/7).

b) Lợi ích từ việc cắt giảm chi phí tuân thủ, thời gian giải quyết thủ tục hành chính:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 6.687.500 đồng.

- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4.012.500 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 2.675.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40%.

- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 22 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15 ngày.

- Thời gian cắt giảm: 07 ngày.
- Tỷ lệ cắt giảm: 31.2%.

4. Thủ tục hành chính 4

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.000436).

Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động.

4.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá:

- Cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 17 ngày làm việc còn 15 ngày làm việc.
- Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

4.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 3 Điều 28 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 17 ngày làm việc.
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15 ngày.
- Thời gian cắt giảm: 02 ngày.
- Tỷ lệ cắt giảm: 11.8%.

PHẦN II

NGÀNH, NGHỀ KHÔNG THUỘC DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN CỦA LUẬT ĐẦU TƯ

I. LĨNH VỰC VIỆC LÀM

1. Thủ tục hành chính 1

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.013718).

Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) (03 YCĐK).

1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá:

- Bãi bỏ yêu cầu, điều kiện về sử dụng người lao động nước ngoài.
- Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

Lý do: Bỏ quy định riêng thủ tục chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động để gộp chung thủ tục chấp thuận nhu cầu vào thủ tục cấp/cấp lại/gia hạn giấy phép lao động. Trường hợp xin xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động không yêu cầu chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài.

1.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ.

1.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hoá:

- Tổng số yêu cầu, điều kiện trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 03.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện cắt giảm, đơn giản hóa: 03.
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa: 100% (3/3).
- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 214.725.000 đồng.
- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0.
- Chi phí tiết kiệm: 214.725.000 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 ngày.

- Thời gian cắt giảm: 10 ngày.

- Tỷ lệ cắt giảm: 100%.

2. Thủ tục hành chính 2

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.000105).

Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài (03 YCDK).

2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá:

- Bãi bỏ yêu cầu, điều kiện về sử dụng người lao động nước ngoài.

- Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

Lý do: Bộ quy định riêng thủ tục chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động để gộp chung thủ tục chấp thuận nhu cầu vào thủ tục cấp/cấp lại/gia hạn giấy phép lao động. Trường hợp xin xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động không yêu cầu chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài.

2.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ.

2.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hoá:

- Tổng số yêu cầu, điều kiện trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 03.

- Tổng số yêu cầu, điều kiện sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0.

- Tổng số yêu cầu, điều kiện cắt giảm, đơn giản hóa: 03.

- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa: 100% (3/3).

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hoá: 613.500.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hoá: 0.

- Chi phí tiết kiệm: 613.500.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10 ngày làm việc.

- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 ngày.

- Thời gian cắt giảm: 10 ngày.

- Tỷ lệ cắt giảm: 100%.

3. Thủ tục hành chính 3

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.013719).

Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) (21 YCĐK).

3.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá:

a) Về điều kiện đối với người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động:

- Đơn giản hóa điều kiện di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP.

- Đơn giản hóa điều kiện vào Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn về chuyên môn và kỹ thuật tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP.

- Đơn giản hoá điều kiện được Bộ Ngoại giao cấp giấy phép hoạt động thông tin, báo chí tại Việt Nam theo quy định của pháp luật tại khoản 5 Điều 7 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP

- Đơn giản hoá điều kiện thân nhân thành viên cơ quan đại diện nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo hướng quy định trực tiếp, không trích dẫn tại khoản 11 Điều 7 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP.

- Đơn giản hoá điều kiện tình nguyện viên làm việc tại Việt Nam theo hướng quy định trực tiếp, không trích dẫn tại khoản 7 Điều 7 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP.

- Bỏ quy định không quá 03 lần trong 01 năm đối với người lao động vào Việt Nam làm việc có tổng thời gian làm việc dưới 90 ngày, không hạn chế số lần vào để phù hợp thực tế người lao động nước ngoài vào làm các công việc ngắn hạn nhưng lại nhiều lần tại khoản 8 Điều 7 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP.

- Đơn giản hóa điều kiện học sinh, sinh viên tại khoản 10 Điều 7 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP.

- Đơn giản hoá quy định về phạm vi 11 ngành dịch vụ được Bộ Công Thương hướng dẫn.

b) Về quy định thủ tục hành chính:

- Bãi bỏ cụm từ “người lao động nước ngoài” ở tên thủ tục hành chính.

Lý do: phù hợp với quy định của Bộ luật Lao động năm 2019 về “Giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động”.

- Đơn giản hóa Mẫu đơn đề nghị xác nhận người lao động không thuộc diện cấp giấy phép lao động.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ là văn bản chấp thuận nhu cầu do miễn thủ tục hành chính về báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài đối với người lao động nước ngoài được miễn cấp giấy phép lao động.

- Bỏ quy định “bản sao có chứng thực” của hộ chiếu.

- Đơn giản hóa quy định về các giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động.

- Bãi bỏ quy định tại điểm e khoản 3 Điều 8 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP.

- Gộp thủ tục hành chính này với thủ tục Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động (cấp tỉnh, mã TTHC 1.000459) do thủ tục này đã được phân cấp về cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung khoản 5, khoản 8, khoản 11, khoản 13, khoản 14 Điều 7 và khoản 1, khoản 2 Điều 8 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ.

3.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hoá:

- Tổng số yêu cầu, điều kiện trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 03.

- Tổng số yêu cầu, điều kiện sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0.

- Tổng số yêu cầu, điều kiện cắt giảm, đơn giản hóa: 03.

- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa: 100% (3/3).

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hoá: 580.626.375 đồng.

- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hoá: 55.941.812.500 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 348.375.825 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40%.

4. Thủ tục hành chính 4

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.000459).

Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động (21 YCDK).

4.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá:

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

Lý do: Gộp với thủ tục hành chính này với thủ tục Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) (vì thủ tục này được phân cấp từ Trung ương về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

4.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung khoản 5, khoản 8, khoản 11, khoản 13, khoản 14 Điều 7 và khoản 1, khoản 2 Điều 8 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ.

4.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Tổng số yêu cầu, điều kiện trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 03.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện cắt giảm, đơn giản hóa: 03.
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa: 100% (3/3).
- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 79.916.875.000 đồng.
- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 79.916.875.000 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

5. Thủ tục hành chính 5

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 2.000219).

Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài của nhà thầu.

5.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá:

Bãi bỏ thủ tục hành chính.

Lý do: Bỏ quy định riêng thủ tục chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động vì gộp chung thủ tục chấp thuận nhu cầu vào thủ tục thủ tục cấp/cấp lại/gia hạn giấy phép lao động để giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính.

5.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ.

5.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hoá:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hoá: 214 725 nghìn đồng.
- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hoá: 0 nghìn đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 214 725 nghìn đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

6. Thủ tục hành chính 6

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.013719).

Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài của nhà thầu.

6.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá:

Bãi bỏ thủ tục hành chính.

Lý do: Bỏ quy định riêng thủ tục chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động vì gộp chung thủ tục chấp thuận nhu cầu vào thủ tục thủ tục cấp/cấp lại/gia hạn giấy phép lao động để giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính.

6.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ.

6.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hoá:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hoá: 214.725.000 đồng.
- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hoá: 0 nghìn đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 214.725.000 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

7. Thủ tục hành chính 7

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 2.000219).

Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài của nhà thầu.

7.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá:

Bãi bỏ thủ tục hành chính.

Lý do: Bỏ quy định riêng thủ tục chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động vì gộp chung thủ tục chấp thuận nhu cầu vào thủ tục thủ tục cấp/cấp lại/gia hạn giấy phép lao động để giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính.

7.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ.

7.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hoá:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hoá: 214 725 nghìn đồng.
- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hoá: 0 nghìn đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 214 725 nghìn đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

8. Thủ tục hành chính 8

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.013720).

Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) (07YCDK).

8.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá:

a) Về yêu cầu, điều kiện:

- Đơn giản hóa yêu cầu, điều kiện đối với trường hợp người đứng đầu và trực tiếp điều hành.

- Đơn giản hóa yêu cầu, điều kiện về kinh nghiệm của chuyên gia từ 03 năm kinh nghiệm xuống còn 02 năm kinh nghiệm.

- Đơn giản hóa yêu cầu, điều kiện về kinh nghiệm của vị trí công việc mà người lao động dự kiến làm việc tại Việt Nam đối với chuyên gia.

Lý do: giảm số năm kinh nghiệm của chuyên gia trong một số vị trí công việc để thu hút nhân tài theo chủ trương của Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Đơn giản hóa quy định “trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Bộ Nội vụ”, theo đó đã cụ thể hóa những trường hợp đặc biệt ở những vị trí công việc theo chủ trương của Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Đơn giản hóa yêu cầu, điều kiện về năm kinh nghiệm của vị trí lao động kỹ thuật từ ít nhất 03 năm xuống còn ít nhất 02 năm kinh nghiệm.

- Đơn giản hóa yêu cầu, điều kiện về năm kinh nghiệm của vị trí lao động kỹ thuật từ có ít nhất 05 năm kinh nghiệm xuống còn 03 năm kinh nghiệm làm việc phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.

Lý do: đáp ứng yêu cầu mới nhằm thu hút nhân tài theo Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

b) Về quy định thủ tục hành chính:

- Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Đổi tên thủ tục hành chính thành “Cấp giấy phép lao động”.

- Đơn giản hóa Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép lao động.

- Bãi bỏ Phiếu lý lịch tư pháp trong trường hợp đã được liên thông thủ tục hành chính về cấp Phiếu lý lịch tư pháp và cấp giấy phép lao động theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định này.

- Bãi bỏ văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài.
- Bãi bỏ quy định về “có chứng thực” đối với hộ chiếu.
- Bãi bỏ quy định về “hợp pháp hóa lãnh sự, chứng thực” của các giấy tờ.
- Bãi bỏ quy định về hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động đối với một số trường hợp đặc biệt.
- Đơn giản hóa các giấy tờ liên quan đến người lao động nước ngoài.

8.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung Điều 9, Điều 11 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ.

8.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hoá:

a) Lợi ích từ việc cắt giảm, đơn giản hóa yêu cầu, điều kiện:

- Tổng số yêu cầu, điều kiện trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 07.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 01.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện cắt giảm, đơn giản hóa: 06.
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa yêu cầu, điều kiện: 85.7%.

b) Lợi ích từ cắt giảm, đơn giản hóa quy định thủ tục hành chính:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hoá: 142.932.626.000 đồng.
- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hoá: 88.251.478.000 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 54.681.148.000 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 38.3%.

9. Thủ tục hành chính 9

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 2.000205).

Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (07YCDK).

9.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá:

a) Về yêu cầu, điều kiện:

- Đơn giản hóa yêu cầu, điều kiện đối với trường hợp người đứng đầu và trực tiếp điều hành.

- Đơn giản hóa yêu cầu, điều kiện về kinh nghiệm của chuyên gia từ 03 năm kinh nghiệm xuống còn 02 năm kinh nghiệm.

- Đơn giản hóa yêu cầu, điều kiện về kinh nghiệm của vị trí công việc mà người lao động dự kiến làm việc tại Việt Nam đối với chuyên gia.

Lý do: giảm số năm kinh nghiệm của chuyên gia trong một số vị trí công việc để thu hút nhân tài theo chủ trương của Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Đơn giản hóa quy định “trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Bộ Nội vụ”, theo đó đã cụ thể hóa những trường hợp đặc biệt ở những vị trí công việc theo chủ trương của Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Đơn giản hóa yêu cầu, điều kiện về năm kinh nghiệm của vị trí lao động kỹ thuật từ ít nhất 03 năm xuống còn ít nhất 02 năm kinh nghiệm.

- Đơn giản hóa yêu cầu, điều kiện về năm kinh nghiệm của vị trí lao động kỹ thuật từ có ít nhất 05 năm kinh nghiệm xuống còn 03 năm kinh nghiệm làm việc phù hợp với vị trí công việc mà người lao động nước ngoài dự kiến làm việc tại Việt Nam.

Lý do: đáp ứng yêu cầu mới nhằm thu hút nhân tài theo Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

b) Về quy định thủ tục hành chính:

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

Lý do: Thủ tục hành chính này gộp với thủ tục hành chính cùng tên thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đã được phân cấp từ Trung ương về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

9.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung Điều 9, Điều 11 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ.

9.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hoá:

a) Lợi ích từ việc cắt giảm, đơn giản hóa yêu cầu, điều kiện:

- Tổng số yêu cầu, điều kiện trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 07.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 01.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện cắt giảm, đơn giản hóa: 06.
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa yêu cầu, điều kiện: 85.7%.

b) Lợi ích từ cắt giảm, đơn giản hóa quy định thủ tục hành chính:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hoá: 125.190.000.000 đồng.
- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hoá: 0 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 125.190.000.000 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

10. Thủ tục hành chính 10

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.013721).

Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) (03YCDK)

10.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá:

a) Về yêu cầu, điều kiện:

- Đơn giản hóa và gộp điều kiện về giấy phép lao động còn thời hạn bị mất và điều kiện về giấy phép lao động còn thời hạn bị hỏng.
- Đơn giản hóa điều kiện về cấp lại giấy phép trong trường hợp thay đổi một trong các nội dung.

b) Về quy định thủ tục hành chính:

- Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.
- Đơn giản hóa tên thủ tục hành chính thành “Cấp lại giấy phép lao động”.
- Đơn giản hóa Mẫu Đơn đề nghị cấp lại giấy phép lao động.
- Đơn giản hóa quy định các giấy tờ chứng minh việc thay đổi nội dung.

10.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung Điều 13 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và

tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ.

10.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hoá:

a) Lợi ích từ việc cắt giảm, đơn giản hóa yêu cầu, điều kiện:

- Tổng số yêu cầu, điều kiện trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 03.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 01.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện cắt giảm, đơn giản hóa: 02.
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa yêu cầu, điều kiện: 66.7%.

b) Lợi ích từ cắt giảm, đơn giản hóa quy định thủ tục hành chính:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 337.627.500 đồng.
- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 236.299.250 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 102.288.250 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

11. Thủ tục hành chính 11

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 2.000192).

Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (03YCDK)

11.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá:

a) Về yêu cầu, điều kiện:

- Đơn giản hóa và gộp điều kiện về giấy phép lao động còn thời hạn bị mất và điều kiện về giấy phép lao động còn thời hạn bị hỏng.
- Đơn giản hóa điều kiện về cấp lại giấy phép trong trường hợp thay đổi một trong các nội dung.

b) Về quy định thủ tục hành chính:

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

Lý do: Thủ tục hành chính này gộp với thủ tục hành chính Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

11.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung Điều 13 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và

tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ.

11.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hoá:

a) Lợi ích từ việc cắt giảm, đơn giản hóa yêu cầu, điều kiện:

- Tổng số yêu cầu, điều kiện trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 03.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 01.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện cắt giảm, đơn giản hóa: 02.
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa yêu cầu, điều kiện: 66.7%.

b) Lợi ích từ việc cắt giảm, đơn giản hóa quy định thủ tục hành chính:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10.278.625.000 đồng.
- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 10.278.625.000 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

12. Thủ tục hành chính 12

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.013722).

Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (03YCDK)).

12.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá:

a) Về yêu cầu, điều kiện:

- Đơn giản hóa điều kiện Giấy phép lao động đã được cấp còn thời hạn ít nhất 05 ngày nhưng không quá 45 ngày thành điều kiện Giấy phép lao động đã được cấp còn thời hạn ít nhất 10 ngày nhưng không quá 45 ngày.

- Bãi bỏ điều kiện “Được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài quy định tại Điều 4 hoặc Điều 5 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2023/NĐ-CP”.

- Bãi bỏ điều kiện “Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài tiếp tục làm việc cho người sử dụng lao động theo nội dung giấy phép lao động đã được cấp”.

b) Về quy định thủ tục hành chính:

- Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Đổi tên thủ tục hành chính thành “Cấp giấy phép lao động”.
- Đơn giản hóa Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép lao động.
- Bãi bỏ Phiếu lý lịch tư pháp trong trường hợp đã được liên thông thủ tục hành chính về cấp Phiếu lý lịch tư pháp và cấp giấy phép lao động theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định này.
- Bãi bỏ văn bản chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài.
- Bãi bỏ quy định về “có chứng thực” đối với hộ chiếu.
- Bãi bỏ quy định về “hợp pháp hóa lãnh sự, chứng thực” của các giấy tờ.
- Bãi bỏ quy định về hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động đối với một số trường hợp đặc biệt.
- Đơn giản hóa các giấy tờ liên quan đến người lao động nước ngoài.

12.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung Điều 16, Điều 17, Điều 18 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ.

12.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hoá:

a) Lợi ích từ việc cắt giảm, đơn giản hóa yêu cầu, điều kiện:

- Tổng số yêu cầu, điều kiện trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 03.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện cắt giảm, đơn giản hóa: 03.
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa yêu cầu, điều kiện: 100%.

b) Lợi ích từ việc cắt giảm, đơn giản hóa quy định thủ tục hành chính:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hoá: 410.802.400 đồng.
- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hoá: 287.561.680 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 123.240.720 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

13. Thủ tục hành chính 13

Thủ tục hành chính cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.009811).

Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (03YCDK).

13.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá:

a) Về yêu cầu, điều kiện:

- Đơn giản hóa điều kiện Giấy phép lao động đã được cấp còn thời hạn ít nhất 05 ngày nhưng không quá 45 ngày thành điều kiện Giấy phép lao động đã được cấp còn thời hạn ít nhất 10 ngày nhưng không quá 45 ngày.

- Bãi bỏ điều kiện “Được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài quy định tại Điều 4 hoặc Điều 5 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2023/NĐ-CP”.

- Bãi bỏ điều kiện “Giấy tờ chứng minh người lao động nước ngoài tiếp tục làm việc cho người sử dụng lao động theo nội dung giấy phép lao động đã được cấp”.

b) Về quy định thủ tục hành chính:

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

Lý do: Thủ tục hành chính này gộp với thủ tục hành chính Gia hạn Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

12.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung Điều 16, Điều 17, Điều 18 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ.

12.3. Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hoá:

a) Lợi ích từ việc cắt giảm, đơn giản hóa yêu cầu, điều kiện:

- Tổng số yêu cầu, điều kiện trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 03.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0.
- Tổng số yêu cầu, điều kiện cắt giảm, đơn giản hóa: 03.
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa yêu cầu, điều kiện: 100%.

b) Lợi ích từ cắt giảm, đơn giản hóa quy định thủ tục hành chính:

- Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hoá: 22.348.860.000 đồng.
- Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hoá: 0 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 22.348.860.000 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

PHẦN III

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO CỦA DOANH NGHIỆP

1. Sổ theo dõi người lao động nước ngoài (01 chế độ báo cáo).

1.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá:

- Bãi bỏ yêu cầu Sở Nội vụ có trách nhiệm báo cáo Bộ Nội vụ về tình hình người lao động nước ngoài làm việc trên địa bàn.

- Bãi bỏ Mẫu số 08/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 1152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ.

Lý do: Phù hợp với Kế hoạch xây dựng Cơ sở dữ liệu người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tại Kế hoạch số 4161/KH-BNV ngày 22/6/2025 của Bộ Nội vụ thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

1.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ.

1.3. Lợi ích cắt giảm, đơn giản hoá:

- Tổng số chế độ báo cáo trước khi cắt giảm, đơn giản hoá: 01.
- Tổng số chế độ báo cáo sau khi cắt giảm, đơn giản hoá: 0.
- Tổng số chế độ báo cáo cắt giảm, đơn giản hóa: 01.
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa: 100% (1/1).

2. Báo cáo tình hình người lao động nước ngoài đến làm việc (01 chế độ báo cáo).

2.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá:

- Bãi bỏ yêu cầu người sử dụng lao động báo cáo về tình hình sử dụng người lao động nước ngoài.

- Bãi bỏ Mẫu số 07/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 1152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt

Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ.

Lý do: Phù hợp với Kế hoạch xây dựng Cơ sở dữ liệu người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tại Kế hoạch số 4161/KH-BNV ngày 22/6/2025 của Bộ Nội vụ thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

2.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 3 Điều 6 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ.

2.3. Lợi ích cắt giảm, đơn giản hoá:

- Tổng số chế độ báo cáo trước khi cắt giảm, đơn giản hoá: 01.
- Tổng số chế độ báo cáo sau khi cắt giảm, đơn giản hoá: 0.
- Tổng số chế độ báo cáo cắt giảm, đơn giản hóa: 01.
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa: 100% (1/1).

3. Báo cáo kết quả hoạt động dịch vụ việc làm (6 tháng đầu năm/năm) do doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm lập gửi Sở Nội vụ nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính (01 chế độ báo cáo).

3.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Đơn giản hóa cách thức gửi báo cáo: thông qua nền tảng cung cấp dịch vụ việc làm điện tử (vieclam.gov.vn).
- Đơn giản hóa Mẫu Báo cáo của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.

3.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 31 Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm về trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.

3.3. Lợi ích cắt giảm, đơn giản hoá:

- Tổng số chế độ báo cáo trước khi cắt giảm, đơn giản hoá: 01.
- Tổng số chế độ báo cáo sau khi cắt giảm, đơn giản hoá: 0.
- Tổng số chế độ báo cáo cắt giảm, đơn giản hóa: 01.
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa: 100% (1/1).

4. Báo cáo tình hình hoạt động dịch vụ việc làm (6 tháng đầu năm/năm) do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập gửi Bộ Nội vụ (01 chế độ báo cáo).

4.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Đơn giản hóa cách thức gửi báo cáo: thông qua nền tảng cung cấp dịch vụ việc làm điện tử (vieclam.gov.vn).
- Đơn giản hóa Mẫu Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4.2. Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 35 Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm về trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.

4.3. Lợi ích cắt giảm, đơn giản hoá:

- Tổng số chế độ báo cáo trước khi cắt giảm, đơn giản hoá: 01.
- Tổng số chế độ báo cáo sau khi cắt giảm, đơn giản hoá: 0.
- Tổng số chế độ báo cáo cắt giảm, đơn giản hóa: 01.
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa: 100% (1/1).